

UBND TỈNH ĐIỆN BIÊN
SỞ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /SVHTTDL-VP
V/v chấm điểm, đánh giá việc giải quyết thủ
tục hành chính năm 2022 lĩnh vực văn hóa,
thể thao và du lịch

Điện Biên, ngày tháng 12 năm 2022

Kính gửi: Văn phòng UBND tỉnh Điện Biên.

Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch nhận được văn bản số 1007/VPUB-KSTT ngày 01/12/2022 của Văn phòng UBND tỉnh Điện Biên về việc thực hiện các chế độ báo cáo trên Hệ thống thông tin báo cáo của Văn phòng Chính phủ và báo cáo kết quả chấm điểm đánh giá việc giải quyết TTHC năm 2022

Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch báo cáo kết quả chấm điểm, đánh giá việc giải quyết thủ tục hành chính lĩnh vực văn hóa, thể thao và du lịch từ ngày 15/12/2021 đến hết ngày 14/12/2022 gồm các nội dung sau:

1. Tổng hợp kết quả chấm điểm, đánh giá đối với công chức thực hiện tiếp nhận, giải quyết, trả kết quả hồ sơ thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền tiếp nhận và giải quyết của cơ quan (*có biểu 01 kèm theo*).

2. Tổng hợp kết quả chấm điểm đánh giá của cơ quan (*có biểu 02 kèm theo*).

Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch gửi Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh đề tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Đồng chí Giám đốc sở (b/c);
- Các phòng QLNN;
- Lưu: VT, VP.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Vàng A Hờ

Biểu số 01
ĐÁNH GIÁ, XẾP LOẠI CÔNG CHỨC TRONG TIẾP NHẬN,
GIẢI QUYẾT, TRẢ KẾT QUẢ HỒ SƠ TTHC LĨNH VỰC VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH
Kỳ đánh giá: năm 2022
(Kèm theo Công văn số /SVHTTDL-VP ngày /12/2022 của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch)

STT	Họ tên Công chức	Vị trí công tác	Điểm đánh giá	Xếp loại (đánh dấu X vào ô tương ứng)		
				Hoàn thành 100% nhiệm vụ	Hoàn thành từ 70% đến dưới 100% nhiệm vụ	Hoàn thành dưới 70% nhiệm vụ
1	Như Ngọc Khánh	Bộ phận tiếp nhận và Trả kết quả hồ sơ TTHC, Sở VH TTDL	10	x		

Biểu số 02
CHẤM ĐIỂM ĐÁNH GIÁ VIỆC GIẢI QUYẾT
THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐỐI VỚI CƠ QUAN NĂM 2022
(Kèm theo Công văn số /SVHTTDL-VP ngày /12/2022 của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch)

Đơn vị: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Điện Biên.

Tổng số hồ sơ đã giải quyết trong kỳ: 46

Tổng số hồ sơ đã tiếp nhận: 47 (01 hồ sơ đang xử lý)

STT	Tiêu chí/ Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Số lượng hồ sơ	Điểm tự đánh giá	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
1	Tổng thời gian giải quyết thủ tục hành chính	2			
	Trước hạn so với thời gian quy định	2	46	$2 \times 46 / 46 = 2$	
	Đúng hạn so với thời gian quy định	1			
	Trễ hạn so với thời gian quy định	0			
2	Thời gian thực hiện của từng phòng chuyên môn tham gia giải quyết thủ tục hành chính	2			
	Trước hạn so với thời gian quy định	2	46	$2 \times 46 / 46 = 2$	
	Đúng hạn so với thời gian quy định	1			
	Trễ hạn so với thời gian quy định	0			
3	Số lần tổ chức, cá nhân phải liên hệ để hoàn thiện hồ sơ thủ tục hành chính (kể cả theo hình thức trực tuyến)	2			
	Không phải liên hệ lần nào	2	46	$2 \times 46 / 46 = 2$	
	Chỉ liên hệ 1 lần	1			
	Phải liên hệ hơn 1 lần (trừ trường hợp nguyên nhân do lỗi của người nộp hồ sơ)	0			
4	Số lượng cơ quan đơn vị, tổ chức phải liên hệ để hoàn thiện hồ sơ thủ tục hành	2		$2 \times 46 / 46 = 2$	

	chính (kể cả theo hình thức trực tuyến)				
	Tổ chức, cá nhân không phải liên hệ với cơ quan, đơn vị tổ chức nào để hoàn thiện hồ sơ thủ tục.	2	46		
	Tổ chức, cá nhân phải liên hệ với cơ quan, đơn vị tổ chức nào để hoàn thiện hồ sơ thủ tục.	1			
	Tổ chức, cá nhân phải liên hệ với hơn một cơ quan, đơn vị tổ chức nào để hoàn thiện hồ sơ thủ tục	0			
5	Thái độ của cán bộ, công chức khi giải quyết thủ tục hành chính	2			
	Giải quyết hồ sơ TTHC sớm hơn thời hạn quy định và không có ý kiến phản ánh, kiến nghị về hành vi, thái độ những nhiều, gây phiền hà, không thực hiện hoặc thực hiện không đúng quy định pháp luật	2	46		
	Giải quyết hồ sơ TTHC đúng thời hạn quy định và không có ý kiến phản ánh, kiến nghị về hành vi, thái độ những nhiều, gây phiền hà, không thực hiện hoặc thực hiện không đúng quy định pháp luật	1			2x46/46 = 2
	Có ý kiến phản ánh, kiến nghị về hành vi, thái độ những nhiều, gây phiền hà, không thực hiện hoặc thực hiện không đúng quy định pháp luật (trừ trường hợp phản ánh, kiến nghị được cơ quan có thẩm quyền xác minh, kết luận là không đúng hoặc vu cáo)	0			
Từ tiêu chí số 6 đến tiêu chí số 9 không tính số lượng hồ sơ (đánh dấu X vào ô tương ứng và chấm điểm vào dòng tiêu chí)					
STT	Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	Ghi chú	

6	Tổ chức tiếp nhận hồ sơ, giải quyết, trả kết quả tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả	2		
	100% TTHC thực hiện tiếp nhận, trả kết quả tại Bộ phận tiếp nhận và Trả kết quả	2	x	
	90% TTHC thực hiện tiếp nhận, trả kết quả tại Bộ phận tiếp nhận và Trả kết quả	1		
	Dưới 90% TTHC thực hiện tiếp nhận, trả kết quả tại Bộ phận tiếp nhận và Trả kết quả	0		
7	Công khai các thủ tục hành chính	2		
	Công khai chính xác, đầy đủ, kịp thời bằng cả hai hình thức niêm yết và điện tử	2	x	
	Công khai chính xác, đầy đủ, kịp thời bằng một trong hai hình thức niêm yết và điện tử	1		
	Không công khai chính xác, đầy đủ, kịp thời	0		
8	Tiếp thu, giải trình đối với các ý kiến phản ánh, kiến nghị của tổ chức, cá nhân	2		
	Không có phản ánh, kiến nghị hoặc 100% phản ánh, kiến nghị được xử lý đúng thời gian theo quy định và không có phản ánh, kiến nghị kéo dài	2	x	
	Tối thiểu từ 90% phản ánh kiến nghị trở lên được xử lý đúng thời gian theo quy định và không có phản ánh kéo dài	1		
	Dưới 90% phản ánh kiến nghị được xử lý đúng thời gian theo quy định hoặc có phản ánh kéo dài	0		
9	Tiến độ và chất lượng cung cấp dịch vụ công trực tuyến của cơ quan có thẩm quyền	2		
	Tối thiểu 20% TTHC đáp ứng yêu cầu được đưa vào triển khai dịch vụ công trực tuyến mức độ 3,4; tỷ lệ hồ sơ trực tuyến trong tổng số hồ sơ đạt tối thiểu 30% và không có hồ	2	x	
				<p>- Tổng số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở: 127 TTHC.</p> <p>- Số TTHC được triển khai dịch vụ công mức độ 3,4: 80 TTHC.</p> <p>- Số hồ sơ của các TTHC được triển khai mức độ 3,4 tiếp nhận bằng tất cả các hình thức: Trực tiếp và trực tuyến là 46 hồ sơ; trong đó có 45 hồ sơ trực tuyến, 01 hồ sơ trực</p>

	sơ trực tuyến nào giải quyết quá hạn			tiếp.
	Có triển khai dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 đối với TTHC đáp ứng yêu cầu; tỷ lệ hồ sơ trực tuyến trong tổng số hồ sơ đạt tối thiểu 15% đến dưới 30% và không có hồ sơ trực tuyến không được giải quyết hoặc giải quyết quá hạn	1		
	Không triển khai dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 hoặc tỷ lệ hồ sơ trực tuyến trong tổng số hồ sơ đạt dưới 15% hoặc có hồ sơ trực tuyến không được giải quyết hoặc giải quyết quá hạn	0		
	Tổng cộng	18		